TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2024/HS-ST
Ngày: 25- 9- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Luân
2. Bà Trần Thị Nơi

***- Thư ký phiên tòa*:** ông Nguyễn Đình Trường- Thư ký Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: ông Lê Quang Hưởng - Kiểm sát viên

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 121/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Đặng Văn H, sinh ngày 25/7/1995 tại huyện Đ, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn B, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975; vợ, con: chưa có; Tiền sự, tiền án: không

Nhân thân: Tháng 02/2014 tham gia nghĩa vụ quân sự đến tháng 7/2015 xuất ngũ về địa phương. Ngày 03/10/2016, bị Công an huyện Đ, tỉnh Thái Bình xử lý hành chính với hành vi đánh bạc, hình thức phạt tiền (đã chấp hành xong ngày 04/10/2016). Bản án số 66/2017/HSST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" (Chấp hành xong án phí và hình phạt tù ngày 17/05/2019). Bản án số 86/ 2021/HSST, ngày 25/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (chấp hành xong án phí và chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/01/2022). Ngày 05/3/2021, bị Công

an huyện Đ, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính, hình thức phạt tiền về hành vi "trộm cắp tài sản" (đã chấp hành xong ngày 10/3/2021).

Bị bắt tạm giam từ ngày 04/6/2024 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh T.

2. Nguyễn Văn H2, sinh ngày 26/7/1988 tại huyện Đ, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1962; có vợ là chị Nguyễn Thị L (đã ly hôn); con: chưa có; Tiền sự: không

Tiền án: Bản án số 80/ 2019/HSST, ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (chưa nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm)

Nhân thân: Bản án số 29/2008/HSST ngày 08/5/2008 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" (Chấp hành xong án phí và hình phạt tù ngày 17/01/2009). Ngày 27/3/2014, bị Công an huyện Đ, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc hình thức phạt tiền. (đã chấp hành xong).

Bị bắt tạm giam từ ngày 04/6/2024 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh T.

3. Phạm Văn N, sinh ngày 01/01/1966 tại huyện Đ, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị L1 (đều đã chết); vợ là: chị Đào Thị H3, sinh năm 1971 và có 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1997; Tiền sự, tiền án: không

Nhân thân: Năm 1985 tham gia nghĩa vụ quân sự đến năm 1988 xuất ngũ.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/8/2024 đến nay.

(Các bị cáo có mặt tại phiên toà)

***- Bị hại*:**

+ Anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn M, xã V, huyện H, tỉnh Thái Bình

+ Anh Vũ Văn H4, sinh năm 1977 (vắng mặt)

+ Anh Lê Trường N1, sinh năm 1968 (có mặt)

+ Anh Đinh Văn L2, sinh năm 1979 (có mặt)

Đều cư trú: thôn T, xã V, huyện H, tỉnh Thái Bình

***- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:** chị Nguyễn Thị C1, sinh năm 1973; Nơi cư trú: thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian cuối tháng 05 năm 2024, Đặng Văn H và Nguyễn Văn H2 đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện H. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 20 giờ ngày 27/05/2024, Đặng Văn H gọi điện thoại rủ Nguyễn Văn H2 đi trộm cắp tài sản và hẹn qua nhà đón. Nguyễn H2 đồng ý. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Đặng Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Lishohaka, kiểu dáng xe Wave, màu xanh, biển số đăng kí (viết tắt BKS) 17H3-6558 là xe H mượn của ông Đặng Văn B, sinh năm 1970 (bố đẻ của H) đến đón Nguyễn Văn H2. Khi đi Đặng Văn H có mang theo trong cốp xe 03 chiếc cờ lê loại 10,12,13 mục đích để làm công cụ trộm cắp tài sản. Cả hai thống nhất đi trên các tuyến đường của huyện H để trộm cắp tài sản là bình ắc quy xe ô tô. Nguyễn Văn H2 điều khiển xe mô tô chở Đặng Văn H ngồi sau đi từ nhà theo đường quốc lộ 39A đến Ngã tư T, huyện Đ rẽ phải đi theo đường L, huyện Đ sang địa phận xã Đ, huyện H đi theo đường T đến đèn xanh đỏ đến địa phận xã V, huyện H. Đến khoảng 01 giờ, ngày 28/05/2024, khi đi đến đoạn đường thôn M, xã V, huyện H, cả hai quan sát thấy tại một bãi đất trống là khu tập kết vật liệu xây dựng có để 01 chiếc xe ô tô bồn chở bê tông, BKS 29C-670.00 và 01 chiếc ô tô tải chở vật liệu xây dựng BKS 98C-024.31, đều là tài sản của **anh Nguyễn Văn Đ1**, không có ai trông coi. Nguyễn Văn H2 đứng cảnh giới, trông coi cho Đặng Văn H cầm theo 02 chiếc cờ lê 12, cờ lê 13 mang theo từ trước và cầm theo điện thoại nhãn hiệu Nokia bàn phím của Nguyễn Văn H2 bật đèn flash để soi. Đặng Văn H đi đến vị trí xe bồn tháo các ốc vít cố định bình ắc quy, trộm cắp được 02 chiếc bình ắc quy, nhãn hiệu GS, đều có vỏ màu trắng, cùng loại 12V-150 Ah. Sau đó, cả hai để hai bình ắc quy vừa trộm cắp được ở bụng xe máy mang ra cất giấu ở bờ ruộng cách đó 500 mét. Cả hai tiếp tục quay lại tháo bình ắc quy của chiếc xe ô tô tải chở vật liệu xây dựng, Nguyễn Văn H2 tiếp tục đứng cảnh giới, trông coi cho Đặng Văn H vào tháo được 02 chiếc bình ắc quy, nhãn hiệu đongnai, đều có vỏ màu trắng, cùng loại 12V-100 Ah để bụng xe và chở nhau đi ra vị trí cất giấu 02 bình ắc quy lúc trước mang đi bán. Khoảng 02 giờ sáng, ngày 28/05/2024, cả hai đi theo đường cũ về đến đầu đường rẽ vào xã M, huyện Đ để Đặng Văn H cất giấu 01 bình ắc quy của xe bồn bê tông và 01 bình ắc quy của xe chở vật liệu ở gần quán thu mua phế liệu của Phạm Văn N để bán sau; 02 bình ắc quy còn lại cả hai mang đến quán thu mua phế liệu của chị Nguyễn Thị C1 để bán. Khi đến quán, Đặng Văn H một mình vào gọi cửa thì gặp chị C1, H hỏi "Cô có mua bình ắc quy cũ hỏng không?" chị C1 đáp "Có" và thỏa thuận giá là 17.000 đồng/ 01kg (trừ nước), H đồng ý và mang hai bình ắc quy để nên cân được tổng là 38 kg. Chị C1 trả cho H số tiền

650.000 đồng; đến khoảng 08 giờ sáng cùng ngày, chị C1 đã bán 02 bình ắc quy này cho xe tải đi thua mua phế liệu qua đường. Sau đó, Nguyễn Văn H2 chở Đặng Văn H về nhà mình ngủ. Đến khoảng 05 giờ 40 phút cùng ngày, Đặng Văn H một mình mang 02 bình ắc quy cất giấu trước đó đến cửa hàng thu mua phế liệu của bị cáo Phạm Văn N để bán. Khi gặp bị cáo N, H hỏi "Chú có mua bình ắc quy cũ không?". Bị cáo N trả lời "Có" và báo giá là 23.000 đồng/ 01 kg (trừ nước). H đồng ý và mang hai bình ắc quy để nên cân được tổng là 44kg. Bị cáo N trả cho H số tiền 1.012.000 đồng, H cầm tiền rồi rủ Nguyễn Văn H2 đi chơi và cùng nhau tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Lần thứ hai: Cũng với hành vi trên, khoảng 23 giờ, ngày 29/05/2024, Đặng Văn H, đến nhà Nguyễn Văn H2 chơi; tại đây cả hai tiếp tục rủ nhau sang huyện H để trộm cắp tài sản bình ắc quy xe ô tô. Đặng Văn H điều khiển xe mô tô BKS 17H3- 6558 chở Nguyễn Văn H2 từ nhà Nguyễn Văn H2 đến đầu đường xã M, huyện Đ thì đổi lái. Nguyễn Văn H2 chở Đặng Văn H ngồi sau đi sang địa phận huyện H theo hướng quốc lộ C đến Ngã tư T đi thẳng đến N, xã M, huyện H, rẽ trái vào đường đang làm đến xã V, huyện H. Khi đến đoạn đường C thuộc thôn T, xã V, huyện H cách cầu khoảng 50 mét hướng về xã C, huyện H. Cả hai quan sát thấy tại lề đường bên phải hướng về xã C có 01 xe ô tô tải, BKS 89K-9172 của **anh Lê Trường N1** để ở đây không có ai trông coi. Đặng Văn H cầm theo 02 chiếc cờ lê 12 và cờ lê 13 mang theo từ trước và mượn điện thoại nhãn hiệu Nokia bàn phím của Nguyễn Văn H2 bật đèn flash để soi vào tháo ốc cố định bình ắc quy, vỏ màu trắng, nhãn hiệu GS, loại 12V-100Ah. Nguyễn Văn H2 đứng cảnh giới trông coi. Sau khi tháo được bình ắc quy Đặng Văn H bê ra để ở bụng xe máy. Cả hai mang bình ắc quy vừa trộm được cất giấu ở vệ đường bên phải hướng về N, xã M cách đó khoảng 100 mét. Sau đó, cả hai tiếp tục quay lại trộm cắp bình ắc quy của chiếc xe ô tô tải, BKS: 90C-048.59, sơn màu trắng của **anh Vũ Văn H4** dựng ở lề đường bên trái; khi cách đầu xe khoảng 50 mét, cả hai dừng xe lại rồi Đặng Văn H đi bộ trước đến vị trí xe ô tô này để quan sát và quay lại bảo Nguyễn Văn H2 "xe này dễ tháo trộm anh vào tháo đi". Nguyễn Văn H2 đồng ý. Đặng Văn H đưa cho Nguyễn Văn H2 hai chiếc cờ lê 12 và 13, điện thoại để soi, do chưa tháo quen nên Nguyễn Văn H2 mở cốp xe của H2 lấy thêm chiếc cờ lê 10. Nguyễn Văn H2 tiến đến vị trí xe ô tô tải màu trắng, soi đèn vào vị trí đặt bình ắc quy của xe này thì thấy có hai bình ắc quy màu trắng đặt cạnh nhau, Nguyễn Văn H2 dùng chiếc cờ lê 12 để tháo ốc vít giữ bình ắc quy tháo được 02(hai) chiếc bình ắc quy, nhãn hiệu dongnai, vỏ màu trắng, cùng loại 12V-85 Ah, rồi bê ra vị trí xe máy để ở bụng xe. Sau đó, cả hai quay lại vị trí giấu bình ắc quy để ở đó 02 bình ắc quy vừa trộm cắp được.

Cả hai tiếp tục quay lại trộm cắp 01 bình ắc quy, vỏ màu đen, nhãn hiệu GS, loại 12V-100Ah xe ô tô tải, BKS 14C-1080 của **anh Đinh Văn L2** dựng ở đầu cầu. Nguyễn Văn H2 là người đứng cảnh giới, còn Đặng Văn H là người tháo ốc để trộm bình ắc quy. Sau đó, cả hai quay lại chỗ giấu 03 chiếc bình ắc quy vừa trộm trước đó để mang đi bán.

Khoảng hơn 03 giờ sáng ngày 30/05/2024, cả hai đi theo đường cũ về đến đầu đường rẽ vào xã M, huyện Đ; Đặng Văn H dừng lại để cất giấu 01 bình ắc quy, nhãn hiệu dongnai, loại 12V- 85Ah và 01 bình ắc quy, vỏ màu trắng, nhãn hiệu GS, loại 12V-100Ah ở bụng xe máy để cạnh quán thu mua phế liệu của ông N để bán sau. 02 bình ắc quy còn lại Đặng Văn H và Nguyễn Văn H2 mang đến quán thu mua phế liệu của chị Nguyễn Thị C1 để bán. Khi đến, Đặng Văn H gọi cửa rồi đi ra ngoài đường chờ và bảo Nguyễn Văn H2 mang hai bình ắc quy trên vào bán. Khi gặp chị C1, Nguyễn Văn H2 nói "Cháu đi làm ca đêm công ty giờ mới về có bình ắc quy bị hỏng cô có mua không". Chị C1 đáp "Có" và báo giá 17.000 đồng/ 01 kg (đã trừ nước). Nguyễn Văn H2 đồng ý và để hai bình ắc quy lên cân được 44 kg. Chị C1 trả H2 số tiền 750.000 đồng. H2 cầm tiền đi ra đưa cho Đặng Văn H giữ. Sau đó cả hai đi ăn đêm tiêu hết số tiền trên. Nguyễn Văn H2 chở Đặng Văn H về nhà mình ngủ. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, cả hai mang 02 bình ắc quy cất giấu trước đó đến cửa hàng thu mua phế liệu của bị cáo Phạm Văn N để bán. Khi đến quán, Đặng Văn H trực tiếp mang 02 bình ắc quy trên vào bán thì bị cáo N nhận ra H là người bán 02 bình ắc quy hôm trước nên bị cáo N hỏi H "thế mày lấy ắc quy ở đâu", H trả lời "cháu lấy ở xa lắm". Nghe H nói vậy thì bị cáo N biết rõ bình ắc quy H bán là tài sản trộm cắp nên bảo H "tốt nhất là mày bỏ đi kiếm nghề khác mà làm" H đáp "thôi chú mua nốt cho cháu lần này". Bị cáo N đồng ý và nói "tao mua nốt lần này cho mày chứ mày đi lấy trộm của người ta có ngày họ đánh chết". H cho 02 bình ắc quy lên cân được 44 kg. bị cáo N trả H số tiền 1.012.000 đồng. H cầm tiền tiêu xài cá nhân hết không chia cho Nguyễn Văn H2.

- Bản kết luận định giá tài sản số 25 ngày 03/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận: *02(hai) chiếc bình ắc quy, nhãn hiệu GS, vỏ màu trắng, loại 150 Ah của xe bồn chở bê tông, BKS: 29C-670.00, đã qua sử dụng, mua vào tháng 02 năm 2024 (2.800.000 đồng/01 bình), tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là:* ***5.600.000đ*** *(năm triệu sáu trăm nghìn đồng); 02(hai) chiếc bình ắc quy, nhãn hiệu dongnai, vỏ màu trắng, loại 100 Ah của xe ô tô tải, BKS: 98C-024.31, đã qua sử dụng, mua vào tháng 03 năm 2024 (1.700.000 đồng/01bình), tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là:* ***3.400.000đ*** *(ba triệu bốn trăm nghìn đồng); Tổng giá trị tài sản bị xâm hại có giá trị thành tiền là:* ***9.000.000đ*** *(chín triệu đồng);*

- Bản kết luận định giá tài sản số 26 ngày 03/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận: *02 (hai) chiếc bình ắc quy, nhãn hiệu dongnai, vỏ màu trắng, loại 85 Ah của xe ô tô tải, BKS: 90C-048.59, đã qua sử dụng, mua vào tháng 01 năm 2024 (1.400.000 đồng/ 01 bình), tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là:* ***2.800.000đ*** *(hai triệu tám trăm nghìn đồng).*

- Bản kết luận định giá tài sản số 27 ngày 03/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận: *01(một) chiếc bình ắc quy, nhãn hiệu GS, vỏ màu trắng, loại 100 Ah của xe ô tô tải, BKS: 89K-9172, đã qua sử dụng, mua vào tháng 01 năm 2024 tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là:* ***1.500.000đ*** *(một triệu năm trăm nghìn đồng)*.

- Bản kết luận định giá tài sản số 28 ngày 03/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận: *01(một) chiếc bình ắc quy, nhãn hiệu GS, vỏ màu đen, loại 100 Ah của xe ô tô tải, BKS: 14C-1080, đã qua sử dụng, mua vào tháng 10 năm 2023, tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là:* ***1.400.000đ*** *(một triệu bốn trăm nghìn đồng)*.

Bản cáo trạng số 120/CT-VKSHH ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã truy tố Đặng Văn H và Nguyễn Văn H2 về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố Phạm Văn N về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn H2 phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Phạm Văn N về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 50, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Đặng Văn H** từ 01 năm 09 tháng tù đến 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 50, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H2** từ 01 năm 09 tháng tù đến 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Phạm Văn N** từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự;

Buộc các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn H2 phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn Đ1 số tiền là 4.500.000 đồng và bồi thường cho chị Nguyễn Thị C1 số tiền là 750.000 đồng.

Buộc các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn H2 phải liên đới nộp số tiền 1.012.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng : Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc cờ lê bằng kim loại sáng màu, trên mặt cờ lê có in " 10 CHROME VANNADIUM 10"; 01 (một) chiếc cờ lê bằng kim loại sáng màu, trên mặt cờ lê có in " 12 CHROME VANNADIUM 12"; 01 (một) chiếc cờ lê bằng kim loại sáng màu, trên mặt cờ lê có in " 13 CHROME VANNADIUM 13", đều đã qua sử dụng.

Về án phí: Các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn H2 và Phạm Văn N phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đều có lời nói sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên toà vắng mặt bị hại là anh Đ1, anh H4 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị C1 nên căn cứ vào các Điều 292, Điều 193 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về tội danh: Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và toàn bộ chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 28/05/2024 và ngày 30/05/2024, **Đặng Văn H và Nguyễn Văn H2** có hành trộm cắp 02(hai) chiếc bình ắc quy, nhãn hiệu GS, vỏ màu trắng, loại 12V- 150 Ah của xe bồn chở bê tông, BKS: 29C-670.00, tổng trị giá: 5.600.000 đồng; 02(hai) chiếc bình ắc quy, nhãn hiệu dongnai, vỏ màu trắng, loại 12V-100 Ah của xe ô tô tải, BKS: 98C-024.31, tổng trị giá: 3.400.000 đồng,

đều là tài sản của **anh Nguyễn Văn Đ1** để tại bãi vật liệu xây dựng thuộc thôn M, xã V, huyện H; 01(một) chiếc bình ắc quy, nhãn hiệu GS, vỏ màu trắng, loại 12V-100 Ah của xe ô tô tải, BKS: 89K-9172, trị giá 1.500.000 đồng của **anh Lê Trường N1**; 02(hai) chiếc bình ắc quy, nhãn hiệu dongnai, vỏ màu trắng, loại 12V- 85 Ah của xe ô tô tải, BKS: 90C-048.59, tổng trị giá 2.800.000 đồng của **anh Vũ Văn H4**; 01(một) chiếc bình ắc quy, nhãn hiệu GS, vỏ màu đen, loại 12V-100 Ah của xe ô tô tải, BKS: 14C-1080, trị giá 1.400.000 đồng của **anh Đinh Văn L2** đều để tại đường thuộc địa phận thôn T, xã V, huyện H. Tổng giá trị tại thời điểm bị xâm hại thành tiền của 08 bình ắc quy là 14.700.000 đồng *(mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng)*.

Vào ngày 30/5/2024, **Phạm Văn N** mặc dù biết rõ chiếc bình ắc quy nhãn hiệu đongnai, màu trắng, loại 12 V-85 Ah trị giá 1.400.000 đồng và chiếc bình ắc quy nhãn hiệu GS, màu trắng, loại 12 V-100 Ah trị giá 1.500.000 đồng đều là tài sản do Đặng Văn H và Nguyễn Văn H2 trộm cắp mà có đến bán cho mình nhưng do ham rẻ nên bị cáo N vẫn mua với giá tiền 1.012.000 đồng nhằm mục đích bán lại để kiếm lời.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn H2 đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản"; hành vi của bị cáo Phạm Văn N đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự, như sau:

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng

Điều 323. Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có

1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả và vai trò phạm tội: Hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự công cộng. Trong vụ án trộm cắp, bị cáo Đặng Văn H là người khởi xướng, trực tiếp chuẩn bị phương tiện, công cụ đi trộm cắp tài sản, Nguyễn Văn H2 sau khi được Đặng văn H rủ đi trộm cắp tài sản đã đồng ý và cùng với Đặng Văn H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản một cách tích cực. Do đó, bị cáo Đặng Văn H giữ vai trò cao hơn bị cáo Nguyễn Văn H2 trong vụ án. Các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn H2 đều có nhân thân rất xấu; bị cáo Nguyễn Văn H2 đang có 01 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng các bị cáo vẫn không nhận thức và rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Bị cáo Phạm Văn N tuy không bàn bạc trước nhưng bị cáo biết đây là tài sản do phạm tội mà có nhưng bị cáo vẫn mua để bán lại kiếm lời. Vì vậy cần xét xử các bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn H2, Đặng Văn H đều phạm tội "02 lần trở lên" nên đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn H2 hiện còn 01 tiền án về tội "trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Văn N không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn H2 và Phạm Văn N đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Văn N phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Đặng Văn H và Phạm Văn N đều có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ những căn cứ trên, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn H2. Bị cáo Đặng Văn H giữ vai trò cao hơn bị cáo Nguyễn Văn H2 nhưng bị cáo Nguyễn Văn H2 phải chịu nhiều tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự hơn bị cáo Đặng Văn H nên cần áp dụng mức hình phạt ngang nhau đối với hai bị cáo.

Đối với bị cáo Phạm Văn N có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo bản thân, do đó không cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng có tác dụng giáo dục bị cáo và cũng để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo N không yêu cầu các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn H2 phải bồi thường dân sự. Bị hại là anh Lê Trường N1, anh Vũ Văn H4 và anh Đinh Văn L2 đều đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường dân sự. Do đó. Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết

- Bị hại là anh Nguyễn Văn Đ1 yêu cầu các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn H2 phải bồi thường giá trị 02 (hai) chiếc bình ắc quy các bị cáo đã bán không thu hồi được, gồm: 01(một) chiếc bình ắc quy, nhãn hiệu GS, vỏ màu trắng, loại 150 Ah, trị giá 2.800.000 đồng và 01(một) chiếc bình ắc quy, nhãn hiệu dongnai, vỏ màu trắng, loại 100 Ah, trị giá 1.700.000 đồng). Tổng cộng số tiền anh Đ1 yêu cầu bồi thường là 4.500.000 đồng. Cần buộc các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn H2 phải liên đới bồi thường cho anh Đ1 số tiền 4.500.000 đồng, được chia theo kỷ phần bồi thường.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị C1 yêu cầu các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn H2 phải bồi thường số tiền 750.000 đồng đã mua 02 bình ắc quy của các bị cáo vào ngày 30/5/2024. Cần buộc các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn H2 phải liên đới bồi thường cho chị C1 số tiền 750.000 đồng, được chia theo kỷ phần bồi thường.

- Về tịch thu khoản tiền thu lời bất chính: Buộc các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn H2 phải liên đới nộp lại số tiền 1.012.000 đồng đã bán 02 bình ắc quy cho bị cáo N vào ngày 30/05/2024.

[8] Về vật chứng của vụ án và các tài sản khác quản lý, thu giữ gồm:

- **01(một)** chiếc bình ắc quy, nhãn hiệu GS, vỏ màu trắng, loại 12V-150 Ah đã qua sử dụng và **01(một)** chiếc bình ắc quy, nhãn hiệu dongnai, vỏ màu trắng,

loại 12 V- 100 Ah đã qua sử dụng đều là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn Đ1. **02 (hai)** chiếc bình ắc quy, nhãn hiệu dongnai, vỏ màu trắng, loại 12V- 85 Ah đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của anh Vũ Văn H4. **01(một)** chiếc bình ắc quy, nhãn hiệu GS, vỏ màu đen, loại 12V- 100 Ah đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của anh Đinh Văn L2. **01(một)** chiếc bình ắc quy, nhãn hiệu GS, vỏ màu trắng, loại 12V- 100 Ah đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của anh Lê Trường N1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trả lại các tài sản trên cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

- 01 (một) chiếc cờ lê bằng kim loại sáng màu, trên mặt cờ lê có in " 10 CHROME VANNADIUM 10"; 01 (một) chiếc cờ lê bằng kim loại sáng màu, trên mặt cờ lê có in " 12 CHROME VANNADIUM 12"; 01 (một) chiếc cờ lê bằng kim loại sáng màu, trên mặt cờ lê có in " 13 CHROME VANNADIUM 13", đều đã qua sử dụng. Đây là những đồ vật các bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và đều không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy

[9] Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia bàn phím của bị cáo Nguyễn Văn H2 sử dụng làm công cụ trộm cắp tài sản nhưng bị cáo khai nhận bị rơi mất trên đường di chuyển vào rạng sáng ngày 30/5/2024, không nhớ rõ bị rơi tại đoạn đường nào nên Cơ quan điều tra không thu giữ, quản lý được vật chứng trên.

Đối với việc bị cáo Phạm Văn N mua 02 chiếc bình ắc quy của Đặng Văn H mang đến bán lần đầu vào sáng ngày 28/05/2024. Khi mua bị cáo N không biết rõ đây là tài sản H trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý bị cáo N về hành vi này.

Đối với ông Đặng Văn B là người cho Đặng Văn H (con trai) mượn chiếc xe máy nhãn hiệu Lishohaka, kiểu dáng xe Wave, màu xanh, biển số 17H3- 6558. Khi cho H mượn ông B không biết H sử dụng xe máy trên làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản nên ông B không đồng phạm trong vụ án này và không có căn cứ xử lý chiếc xe trên.

Đối với chị Nguyễn Thị C1 có 02 lần mua bình ắc quy của các bị cáo. Ngày 28/05/2024 mua của Đặng Văn H và ngày 30/5/2024 mua của Nguyễn Văn H2. Khi mua bình ắc quy, chị C1 không biết các tài sản trên là tài sản trộm cắp. Do đó không có căn cứ để xử lý chị C1 về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn H2 phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Phạm Văn N phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 50, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo **Đặng Văn H** 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 50, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H2** 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn N** 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn N cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự,

- Buộc các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn H2 phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn Đ1 số tiền là 4.500.000 đồng. Chia kỷ phần mỗi cáo phải bồi thường cho anh Đ1 số tiền là 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Buộc các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn H2 phải liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị C1 số tiền là 750.000 đồng. Chia kỷ phần mỗi cáo phải bồi thường cho chị C1 số tiền là 375.000 đồng (Ba trăm bẩy mươi lăm nghìn đồng).

- Tịch thu số tiền thu lời bất chính: Buộc các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn H2 phải liên đới nộp số tiền 1.012.000 đồng (Một triệu không trăm mười hai nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước. Chia kỷ phần mỗi cáo phải nộp số tiền là 506.000 đồng (Năm trăm linh sáu nghìn đồng).

3. Về xử lý vật chứng : Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc cờ lê bằng kim loại sáng màu, trên mặt cờ lê có in " 10 CHROME VANNADIUM 10"; 01 (một) chiếc cờ lê bằng kim loại sáng màu, trên mặt cờ lê có in " 12 CHROME VANNADIUM 12"; 01 (một) chiếc cờ lê bằng kim loại sáng màu, trên mặt cờ lê có in " 13 CHROME VANNADIUM 13", đều đã qua sử dụng.

Vật chứng trên đang được chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện và chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình ngày 10/9/2024.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án

Các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn H2 và Phạm Văn N, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm

Các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn H2, mỗi bị cáo phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

***Nơi nhận*:**
- Bị cáo;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an H.Hưng Hà;
- Cơ quan THA hình sự, Công an H.Hưng Hà;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình
- Chi cục THADS H.Hưng Hà;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Người TGTT khác;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thế Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**